

IV-P-4.4

NGUỒN LỢI RONG BIỂN KINH TẾ Ở BÃI NÒ – HÀ TIÊN, KIÊN GIANG

Nguyễn Văn Tú, Trần Văn Tiến, Trần Thị Thanh Thúy

Viện Sinh Học Nhiệt Đới, Viện Khoa học và Công Nghệ Việt Nam

Tóm tắt

Nguồn lợi và đa dạng sinh học rong biển ở Bãi Nò – Hà Tiên, Kiên Giang được đánh giá qua 4 đợt khảo sát vào tháng 9 & tháng 12 năm 2011 và tháng 3, tháng 6 năm 2012. Thành phần loài rong đã xác định được cho khu vực là 23 loài trong đó *G. tenuistipitata* Chang & Xia là loài có sinh lượng đáng kể nhất, ước tính trữ lượng khoảng 6 tấn khô/năm. Ngoài ra một số loài rong chứa Agarophytes khác cũng được ghi nhận tại đây nhưng trữ lượng không cao như *Gracilaria fisheri* (Xia & Abbott) Abbott, Zhang & Xia, *Gracilaria salicornia* (C.Agardh) Dawson, *Hydropuntia changii* (Xia & Abbott) Wynne, *Acanthophora spicifera* (M.Vahl) Børgesen, nhóm rong chứa Caraeenophytes chỉ ghi nhận được 1 loài là *Hypnea ssp.* Qua phân tích sinh lượng và sự phân bố rong biển trong khu vực cho thấy sự biến động về sinh lượng và sự phân bố qua các đợt khảo sát có sự tương quan với sự biến động của một số yếu tố môi trường như là độ mặn, độ đục và pH. Nhóm rong có khả năng thích nghi độ muối rộng, độ đục vẫn phát triển ổn định trong các đợt khảo sát. Trong khi đó, các loài ưa muối như *Codium geppii* O. C. Schmidt; *Caulerpa cupressoides* (West) C.Agardh không ghi nhận được trong khi khu vực có nồng độ muối thấp vào tháng 12 năm 2011.

THE ECONOMIC SEAWEED RESOURCES AT BAI NO - HA TIEN, KIEN GIANG PROVINCE

Abstract

The seaweed biodiversity and resources at Bai No, Ha Tien-Kien Giang was investigated by 4 field trips in September and December 2011, March and June 2012. Total 23 species were recorded for the seaweed flora of the area. Of these, the *G. tenuistipitata* Chang & Xia showed largest biomass with the capacity upto 6 dry tons/year. Some of Agarophytes species also recorded for the area such as *Gracilaria fisheri* (Xia & Abbott) Abbott, Zhang & Xia, *Gracilaria salicornia* (C.Agardh) Dawson, *Hydropuntia changii* (Xia & Abbott) Wynne, *Acanthophora spicifera* (M.Vahl) Børgesen, however, its less biomass. The Caraeenophytes species recorded only *Hypnea ssp.* An analysis of the relationship among distribution and biomass of major species and environment factors showed that, the biomass and distribution of those species are strongly adapted to the variation of the water salinity, transparency and pH. The species with highly positive adaptation to the salinity and transparency were quite stable in its distribution and biomass in this study while the salt affinity species such as *Codium geppii* O. C. Schmidt and *Caulerpa cupressoides* (West) C.Agardh were not recorded in the period of low salinity in December 2011.

Email liên hệ: nvtu.itb@gmail.com